TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 11 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 134/2022/DS-ST
Ngày: 18/8/2022
V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 11, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Vũ Vân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thanh Tịnh;

2. Bà Vương Thị Nga.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Trần Thị Quyên- Thư ký Tòa án nhân dân Quận 11.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 11 tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh Thúy- Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 107/2021/TLST-DS ngày 25 tháng 11 năm 2021 về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 187/2022/QĐXXST-DS ngày 30 tháng 6 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 56/2022/QĐST-DS ngày 19 tháng 7 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng TMCPĐA; trụ sở chính: Số x đườngxxx, Phường x, quận x, Thành phố Hồ Chí Minh; địa chỉ PGD: Số x-x đường xxx, phường x, quận x, Thành phố Hồ Chí Minh;

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông CPX; địa chỉ: Số x-x đường xxx, phường x, quận x, Thành phố Hồ Chí Minh – là người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn theo Quyết định ủy quyền số 01-21/QĐ-DAB-BXMT ngày 05/11/2021 (vắng mặt - có đơn xin xét xử vắng mặt);

- Bị đơn: Bà TTLP, sinh năm 1982; địa chỉ: Số x đường xx, Phường x, Quận x, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 10/11/2021, các bản tự khai và biên bản hòa giải tại Tòa án, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Ngày 15/01/2020, Ngân hàng TMCPĐA có ký Hợp đồng cấp tín dụng cho vay trả góp số 01197584/0184672701T20001 với nội dung Ngân hàng TMCPĐA cho bà TTLP vay số tiền 50.000.000 đồng, thời hạn vay 60 tháng, mục đích vay tiêu dùng, lãi suất trong hạn 8%/năm; Lãi suất quá hạn 12%/năm. Vay tín chấp trừ lương.

Trong quá trình vay, từ ngày 15/02/2020 đến ngày 29/4/2021 bà P đã thanh toán cho Ngân hàng TMCPĐA số tiền vốn là 6.226.735 đồng, số tiền lãi trong hạn là 6.612.023 đồng.

Căn cứ Bản tóm tắt sao kê ngày 05/11/2021, thể hiện vào kỳ sao kê ngày 29/4/2021 bà P chỉ thanh toán 1.758 đồng tiền vốn, không thanh toán lãi, kể từ kỳ thanh toán tháng 5/2021 đến nay bà P đã không thanh toán bất kỳ khoản tiền nào cho Ngân hàng. Do đó, ngày 21/5/2021 Ngân hàng TMCPĐA đã chuyển toàn bộ dư nợ sang nợ quá hạn.

Tính đến ngày 18/8/2022, bà TTLP còn nợ các khoản sau: nợ gốc 43.773.265 đồng, nợ lãi trong hạn 13.387.977 đồng, nợ lãi quá hạn 1.424.425 đồng. Tổng cộng Ngân hàng TMCPĐA yêu cầu bà P thanh toán số nợ tạm tính đến ngày 18/8/2022 là 58.585.667 đồng.

Bà P còn phải tiếp tục thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 19/8/2022 cho đến khi trả dứt nợ vay theo mức lãi suất quá hạn quy định tại Hợp đồng tín dụng đã ký.

* *Đối với bị đơn bà TTLP*: Trong quá trình giải quyết vụ án bà P không đến Tòa án và cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu của Ngân hàng TMCPĐA.

* *Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 11 phát biểu quan điểm:*

Về tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tiến hành xét xử đúng quy định pháp luật. Nguyên đơn chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự, bị đơn không chấp hành nhưng đã được Tòa án thực hiện thủ tục tống đạt, niêm yết hợp lệ, quyền và lợi ích hợp pháp được đảm bảo. Tuy nhiên, Thẩm phán chưa đảm bảo thời hạn tống đạt Thông báo thụ lý cho bị đơn theo khoản 1 Điều 196 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 và thời hạn chuẩn bị xét xử vụ án theo quy định tại Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

Về nội dung: Đại diện Viện kiểm sát Quận 11 đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCPĐA về việc buộc bà TTLP thanh toán cho Ngân hàng TMCPĐA đối với Hợp đồng cấp tín dụng cho vay trả góp số

01197584/0184672701T20001 số tiền tạm tính đến ngày 18/8/2022 là 58.585.667 đồng, trong đó tiền nợ gốc 43.773.265 đồng, nợ lãi trong hạn 13.387.977 đồng, nợ lãi quá hạn 1.424.425 đồng và tiền lãi tiếp tục tính từ ngày 19/8/2022 trên số nợ gốc còn lại cho đến khi thanh toán xong số nợ.

Bị đơn chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử có nhận định:

[1] *Về tố tụng:*

** Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền của Tòa án:*

Tranh chấp giữa Ngân hàng TMCPĐA và bà TTLP là tranh chấp hợp đồng vay tài sản quy định tại Khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Do bị đơn là bà TTLP có nơi cư trú cuối cùng là Quận 11, nên căn cứ theo điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 11.

** Về người tham gia tố tụng:* Bị đơn bà TTLP đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

Ngày 01/7/2022, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông CPX có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn.

[2] Về chứng cứ của vụ án:

Phía nguyên đơn đã nộp Hợp đồng cấp tín dụng cho vay trả góp số 01197584/0184672701T20001; đồng thời nộp các chứng cứ khác về tình trạng pháp lý của nguyên đơn, nhân thân của bị đơn. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ cho bị đơn Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Thông báo kết quả phiên họp nhưng bị đơn không đến Tòa án và không gửi văn bản trình bày ý kiến, tham gia phiên họp, phiên hòa giải. Chứng cứ do nguyên đơn cung cấp là tài liệu bản sao; đồng thời bị đơn không có văn bản phản đối nội dung và tính pháp lý của tài liệu là chứng cứ do nguyên đơn cung cấp. Căn cứ Khoản 1 Điều 95 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xác định bản sao Hợp đồng cấp tín dụng cho vay trả góp số 01197584/0184672701T20001 ngày 15/01/2020 và

Giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn là chứng cứ để xác định quyền và nghĩa vụ của các bên trong hợp đồng; đồng thời xem xét cùng với các chứng cứ khác do nguyên đơn cung cấp làm cơ sở để giải quyết vụ án.

[3] Xét yêu cầu của nguyên đơn:

** Xét yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn trả nợ gốc:*

Ngày 15/01/2020, Ngân hàng TMCPĐA có ký Hợp đồng cấp tín dụng cho vay trả góp số 01197584/0184672701T20001 với nội dung Ngân hàng TMCPAC cho bà TTLP vay số tiền 50.000.000 đồng, mục đích vay tiêu dùng, lãi suất trong hạn 8%/năm; Lãi suất quá hạn 12%/năm. Vay tín chấp trừ lương.

Tính đến ngày 18/8/2022, bà TTLP còn nợ Ngân hàng TMCPĐA số nợ gốc là 43.773.265 (Bốn mươi ba triệu bảy trăm bảy mươi ba nghìn hai trăm sáu mươi lăm) đồng. Xét thấy việc nguyên đơn yêu cầu bị đơn thực hiện nghĩa vụ trả nợ đối với số tiền nợ gốc là có căn cứ nên chấp nhận.

Nguyên đơn chỉ yêu cầu bà P có trách nhiệm thanh toán khoản nợ trên cho nguyên đơn, ngoài ra không yêu cầu ai khác phải có trách nhiệm thanh toán.

** Xét yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn trả lãi:*

Nguyên đơn yêu cầu tính lãi phát sinh đối với Hợp đồng cấp tín dụng cho vay trả góp số 01197584/0184672701T20001 ngày 15/01/2020 số tiền nợ gốc là 43.773.265 đồng tính từ ngày 21/5/2021 đến ngày xét xử 18/8/2022, Hội đồng xét xử có nhận định như sau:

Ngày 15/01/2020, Ngân hàng TMCPAC có ký Hợp đồng cấp tín dụng cho vay trả góp số 01197584/0184672701T20001 với nội dung Ngân hàng TMCPĐA cho bà TTLP vay số tiền 50.000.000 đồng, mục đích vay tiêu dùng, lãi suất trong hạn 8%/năm; Lãi suất quá hạn 12%/năm. Vay tín chấp trừ lương.

Xét thấy việc thỏa thuận lãi suất vay phù hợp theo quy định tại Khoản 2 Điều 91, Điều 95 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 và phù hợp quy định tại Khoản 1, 2 Điều 13 Thông tư 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, Chi nhánh Ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng.

Hội đồng xét xử xét thấy việc thỏa thuận lãi suất giữa nguyên đơn và bị đơn là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật. Vì vậy, Ngân hàng TMCPĐA yêu cầu bà P trả số tiền lãi tính đến ngày xét xử 18/8/2022: lãi trong hạn là 13.387.977 (Mười ba triệu ba trăm tám mươi bảy nghìn chín trăm bảy mươi bảy) đồng, lãi quá hạn là 1.424.425 (Một triệu bốn trăm hai mươi bốn

nghìn bốn trăm hai mươi lăm) đồng là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc bà TTLP phải trả cho Ngân hàng TMCPĐA theo Hợp đồng cấp tín dụng cho vay trả góp số 01197584/0184672701T20001 số tiền là 58.585.667 (Năm mươi tám triệu năm trăm tám mươi lăm nghìn sáu trăm sáu mươi bảy) đồng, trong đó tiền nợ gốc 43.773.265 (Bốn mươi ba triệu bảy trăm bảy mươi ba nghìn hai trăm sáu mươi lăm) đồng, lãi trong hạn là 13.387.977 (Mười ba triệu ba trăm tám mươi bảy nghìn chín trăm bảy mươi bảy) đồng, lãi quá hạn là 1.424.425 (Một triệu bốn trăm hai mươi bốn nghìn bốn trăm hai mươi lăm) đồng.

Bà TTLP còn phải tiếp tục thanh toán khoản lãi phát sinh kể từ ngày 19/8/2022 cho đến khi trả dứt nợ vay theo mức lãi suất quá hạn quy định tại Hợp đồng cấp tín dụng đã ký với Ngân hàng TMCPĐA.

[4] *Về án phí*: Theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, yêu cầu của Ngân hàng TMCPĐA được chấp nhận nên bị đơn bà TTLP phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 2.929.283 (Hai triệu chín trăm hai mươi chín nghìn hai trăm tám mươi ba) đồng.

Hoàn lại số tiền tạm ứng án phí là 1.437.468 (Một triệu bốn trăm ba mươi bảy nghìn bốn trăm sáu mươi tám) đồng cho Ngân hàng TMCPĐA theo biên lai thu số AA/2021/0019600 ngày 25/11/2021 của Chi cục thi hành án dân sự Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh.

[5] Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 11 đề nghị về nội dung và kiến nghị về tố tụng là có căn cứ nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 186, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 91 và Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ khoản 1, 2 Điều 13 Thông tư 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, Chi nhánh Ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCPĐA về việc yêu cầu bà TTLP trả nợ.

Buộc bà TTLP phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TMCPĐA tổng số tiền là 58.585.667 (Năm mươi tám triệu năm trăm tám mươi lăm nghìn sáu trăm sáu mươi bảy) đồng, trong đó số tiền nợ gốc là 43.773.265 (Bốn mươi ba triệu bảy trăm bảy mươi ba nghìn hai trăm sáu mươi lăm) đồng, lãi trong hạn là 13.387.977 (Mười ba triệu ba trăm tám mươi bảy nghìn chín trăm bảy mươi bảy) đồng, lãi quá hạn là 1.424.425 (Một triệu bốn trăm hai mươi bốn nghìn bốn trăm hai mươi lăm) đồng. Thanh toán một lần sau khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật. Việc thi hành án được thực hiện tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Bà TTLP còn phải tiếp tục thanh toán khoản lãi phát sinh kể từ ngày 19/8/2022 cho đến khi trả dứt nợ vay theo mức lãi suất quá hạn quy định tại Hợp đồng thẻ tín dụng đã ký với Ngân hàng TMCPĐA.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bị đơn bà TTLP phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 2.929.283 (Hai triệu chín trăm hai mươi chín nghìn hai trăm tám mươi ba) đồng.

Hoàn lại số tiền tạm ứng án phí là 1.437.468 (Một triệu bốn trăm ba mươi bảy nghìn bốn trăm sáu mươi tám) đồng cho Ngân hàng TMCPĐA theo biên lai thu số AA/2021/0019600 ngày 25/11/2021 của Chi cục Thi hành án Dân sự Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung

năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014./.

Nơi nhận:
- TAND TP. HCM;
- VKSND Quận 11;
- Chi cục THADS Quận 11;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Vũ Vân